

Số : 19/CVGT/HDO

V/v : Giải trình chênh lệch LNST trước

và sau kiểm toán 6T/2017

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội**

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại thông tư 09/2010/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, công ty CP Hưng Đạo Container xin trình bày chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán 6T đầu năm 2017 như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	Tăng/giảm
			30/06/2017	30/06/2017	do điều chỉnh
2	3	4	trước kiểm toán	sau kiểm toán	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	18.026.629.988	18,026,629,988	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		18.026.629.988	18,026,629,988	-
4. Giá vốn hàng bán	11		15.818.166.605	21,167,211,159	(5,349,044,554)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.208.463.383	(3,140,581,171)	5,349,044,554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.029.827	2,029,827	-
7. Chi phí tài chính	22		4.535.377.683	6,425,500,171	(1,890,122,488)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.514.112.265	6,425,500,171	(1,911,387,906)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24				-
9. Chi phí bán hàng	25		296.417.609	296,417,609	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.350.283.350	3,545.758.004	4,804.525.346
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(10.971.585.428)	(13,406.227.128)	2.434.641.700
12. Thu nhập khác	31		10.729.394.435	7,848,562,560	2,880,831,875
13. Chi phí khác	32		4.121.900.765	431.363.100	3,690.537.665
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.607.493.670	7.417.199.460	(809.705.790)



15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	IV.09	(4.364.091.758)	(5,989,027,668)	1,624,935,910
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(4.364.091.758)	(5,989,027,668)	1,624,935,910
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		-	(404)	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	(404)	-

Giá vốn hàng bán tăng lên do kiểm toán hạch toán điều chỉnh chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Chi nhánh Bình Dương từ TK 642 sang TK 632 cho phù hợp do khi trích lập không được hạch toán vào chi phí mà phải hạch toán vào giá vốn đồng thời trích bổ sung khấu hao TSCĐ năm 2015,2016, 6T/2017 của CN Q4 do chưa trích, dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.

Chi phí tài chính tăng do kiểm toán hạch toán bổ sung tiền lãi vay cho các khoản vay của cá nhân và hạch toán điều chỉnh lãi vay quá hạn từ TK 811 sang TK 635.

Thu nhập khác giảm do kiểm toán cản trừ giữa thu nhập khác và chi phí khác khi thanh lý TSCĐ vô hình của Chi nhánh Bình Dương, áp dụng theo TT 200 dẫn đến chi phí khác giảm, mặt khác kiểm toán hạch toán điều chỉnh bổ sung phần TSCĐ của Chi nhánh Hải Phòng khi đã thanh lý điều chuyển về chi nhánh khác, phần giá trị còn lại chưa khấu hao hết, chưa hạch toán vào chi phí, nay kiểm toán điều chỉnh hạch toán bổ sung.

Như đã trình bày ở trên, do kiểm toán hạch toán điều chỉnh bổ sung chi phí lãi vay, trích bổ sung chi phí khấu hao TSCĐ của CN Q4, điều chỉnh thanh lý TSCĐ của CN Hải Phòng, trích lập dự phòng bổ sung một số công nợ phải thu khó đòi và bổ sung một số công nợ đã trích lập dự phòng nhưng chưa trích hết dẫn đến lợi nhuận trước và sau thuế sau kiểm toán lỗ tăng lên 1,6 tỷ đồng.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận :

- UBCK Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội
- Lưu



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Công Hùng

